

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
giữa chị H, anh T*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tụ

2. Ông Nguyễn Văn Diệu

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Đăng ký HKTT: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng vào trong Đắc Lắc làm ăn những vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, anh T hay chửi mắng và xúc phạm đến gia đình chị, ngoài ra anh T còn đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào tháng 7/2020 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho tới nay không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 26/9/2015. Khi ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Lý do chị nhận nuôi con vì gia đình anh T chăm sóc không được chu đáo, con chung đang học tập ổn định chị không muốn thay đổi chỗ học của con, ngoài ra con chung là con gái nên chị nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn. Hiện chị đang làm công nhân may ở gần nhà với mức thu nhập 6.000.000đ/01 tháng, chị và gia đình có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Bá T trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng, trước khi kết hôn với chị H anh đã có vợ nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào trong Đắc Lắc làm ăn những vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và không đăng ký tạm trú ở trong Đắc Lắc. Quá trình chung sống giữa vợ chồng đôi khi có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Tháng 7/2020 chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống. Chị H có đơn xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không muốn con chung không có bố và mẹ đẻ chăm sóc nuôi dạy, anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung đúng như chị H trình bày, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị H có quyền thăm nom

con chung. Lý do anh nhận nuôi con vì gia đình anh có bố đẻ là liệt sĩ anh lại là con một nên chỉ có duy nhất cháu Bình A là người thờ cúng sau này. Gia đình anh có điều kiện về kinh tế hơn chị H, ở trong Đắc Lắc anh có nhà rộng khoảng 100m² cùng vườn tược đang được cho thuê 50.000.000đ/01 năm. Ở xã A, huyện Q anh còn 01 nhà và đất đang cho thuê 2.500.000đ/01 tháng và nhà ở có diện tích 50m². Ngoài ra hiện anh đang làm thuê cho di ruột ở gần nhà với mức thu nhập 3.000.000đ/01 tháng và hiện nay anh đang làm công nhân cho công ty Đạt Vinh với mức thu nhập 8.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai với bà Nguyễn Thị Ng (là mẹ đẻ anh T); địa chỉ: thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bà Ng trình bày:*

Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Bá T, chị Nguyễn Thị H như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì bà không nắm rõ. Khoảng tháng 7/2020 chị H tự ý đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện Q sinh sống mặc dù gia đình bà đã nhiều lần xuống tìm và động viên chị H về gia đình chung sống nhưng chị H vẫn cương quyết không quay về đoàn tụ với anh T. Nay chị H xin ly hôn anh T bà không muốn vợ chồng phải ly hôn, bà muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H, anh T đã khai, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng gia đình bà xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra bà Ng còn trình bày gia đình bà có chồng là liệt sĩ anh T lại là con duy nhất trong nhà nên gia đình muốn có người thờ cúng sau này. Gia đình bà có nhà ở và điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Bình A. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có.

- *Tại biên bản xác minh ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ chị H); địa chỉ: thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, ông Đ trình bày:* Việc kết hôn giữa anh T, chị H như vợ chồng trình bày là đúng. Quá trình chung sống ông có được nghe chị H chia sẻ trong quá trình chung sống anh T hay chửi chị H tháng 7/2020 chị H đã đưa con về gia đình ông sinh sống. Trong thời chị H và con ở nhà ông thì anh T nhiều lần xuống nhà ông gây rối và xúc phạm gia đình ông, gia đình ông phải nhờ đến sự can thiệp của bên Công an xã để giải quyết. Nay chị H xin ly hôn anh T ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H, anh T đã khai, ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H; Về tài sản chung, nợ chung: Gia đình ông không nắm rõ. Chị H và con chung đang ở cùng với gia đình ông, cháu Bình A được ông và gia đình chăm sóc chu đáo, cháu đang được nghỉ hè và chờ lên lớp 1, cháu hiện vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường.

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung của vợ chồng, Vì vậy Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên để hai bên đoàn tụ song không có kết quả. Anh T không muốn ly hôn với chị H vì thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và không muốn con chung không có bố, mẹ tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho anh có thời gian để vợ chồng tìm lại tiếng nói chung nhưng anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H anh T ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 26/9/2015. Cả chị H, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh, chị là chính đáng, tuy nhiên cần xem xét việc cháu Bình A đang học tập ổn định ở xã A, huyện Q, cháu đang ở cùng chị H và gia đình được chăm sóc chu đáo, hàng ngày cháu được chị H cùng gia đình đưa đi học và đón về. Chị H hiện đi làm công nhân ngay gần nhà và có thu nhập

ổn định, điều kiện gia đình chị có đầy đủ để nuôi dạy con cái. Đối với anh T nói gia đình có thu nhập và chỗ ở ổn định nhưng anh không cung cấp được bất kì tài liệu nào để chứng minh về thu nhập của anh. Gia đình có trình bày đang được hưởng chế độ tuất hàng tháng của Liệt sĩ nhưng đó cũng chỉ là một khoản tiền nhất định. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh ở gia đình cũng như địa phương. Xét thấy con chung còn nhỏ, cháu Bình A lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Bản thân con chung hiện cũng đang ở cùng chị H, cháu Bình A đang học tập ổn định tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Do đó, để đảm bảo sự ổn định của con chung, cần giao con chung Nguyễn Thị Bình A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

2. *Về con chung:* Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 26/9/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004431 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 8 năm 2021).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, h. Q (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng